

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Số: 345/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 330/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đàm Thành T** – Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Khu tập thể Sân bay A, Trung đoàn 925, thôn E, xã C, huyện A, tỉnh B.

Bị đơn: Chị **Thái Thị Mỹ V** – Sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu tập thể Sân bay A, Trung đoàn 925, thôn E, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Đàm Thành T** và chị **Thái Thị Mỹ V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đàm Thành T** và chị **Thái Thị Mỹ V** thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Anh Đàm Thành T và chị Thái Thị Mỹ V thống nhất có 03 con chung tên: Đàm Thái K, sinh ngày 07/12/2006, Đàm Thái Đức P, sinh ngày 01/01/2016 và Đàm Thái Đức M, sinh ngày 24/02/2020. Khi ly hôn, anh Đàm Thành T và chị Thái Thị Mỹ V thống nhất giao cháu Đàm Thái Đức P, sinh ngày 01/01/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu P đang ở với anh T), giao cháu Đàm Thái Đức M, sinh ngày 24/02/2020 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng (cháu M đang ở với chị V), riêng cháu Đàm Thái K, sinh ngày 07/12/2006 đã trưởng thành muốn ở với ai tùy cháu và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:* Anh Đàm Thành T và chị Thái Thị Mỹ V thống nhất có 460.000.000^d (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) (anh Đàm Thành T hiện đang quản lý 460.000.000^d). Khi ly hôn, anh Đàm Thành T và chị Thái Thị Mỹ V thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận anh Đàm Thành T giao cho chị Thái Thị Mỹ V trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật số tiền 230.000.000^d (hai trăm ba mươi triệu đồng) và anh Đàm Thành T trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật số tiền 230.000.000^d (hai trăm ba mươi triệu đồng), các bên đã giao nhận tiền xong.

2.4. *Án phí HNST:*

2.4.1. Anh Đàm Thành T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Anh Đàm Thành T đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007093 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho anh Tâm 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.4.2. Hoàn trả cho chị Thái Thị Mỹ V 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Trang đã nộp theo biên lai thu số 0007097 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ